TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 209/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 4 - 2023
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Chiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Anh

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Trần Thiện Nhân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Phong – Kiểm sát viên sơ cấp

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 516/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp Hôn nhân và Gia đình " Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: tổ B, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn*: anh Trần Văn X, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: tổ B, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

(chị A xin vắng mặt, anh X vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình hòa giải, nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày:

Chị và anh Trần Văn X do mai mối được cha mẹ hai bên đồng ý, có tổ chức lễ cưới năm 2005 nhưng đến năm 2007 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số

44/2007 ngày 18 tháng 09 năm 2007.

Sau khi cưới vợ chồng sống chung gia đình anh X, được hơn 01 tháng thì do anh rể nhà gần đó có hành vi xăm phạm thân thể đối với chị, chị nhiều lần nói với gia đình anh X nhưng gia đình không tin và xảy ra mâu thuẫn cự cãi nên chị mới về nhà cha mẹ ruột sống. Sau đó anh X theo chị sống với gia đình bên chị được khoảng 07 năm, trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về chuyện tiền bạc, mỗi khi anh X say xỉn thì vợ chồng cãi nhau. Đến năm 2012 do mâu thuẫn nghiêm trọng, không hàn gắn được nên vợ chồng ly thân, anh X trở về nhà cha mẹ ruột sống, chị lên tỉnh Bình Dương để làm công nhân, chị gửi con chung là Trần Vĩnh K cho cha mẹ ruột nuôi, còn bé Trần Thị Quế T chị dẫn theo cho đến nay, quá trình ly thân anh X không liên lạc để hàn gắn tình cảm. Nay tình cảm không còn, không thể hàn gắn được, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn X.

Về con chung: có 02 con tên Trần Vĩnh K, sinh ngày 05/4/2006 và Trần Thị Quế T, sinh ngày 09/02/2010, hiện 02 con chung chị đang nuôi dưỡng. Nay yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh X cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Anh Trần Văn X vắng mặt từ khi Toà án thụ lý vụ án nên không có ý kiến trình bày.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật, tuy nhiên anh X được tống đạt triệu tập để nghe xét xử đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt, chị A có đơn xin vắng mặt và có ý kiến trình bày rõ ràng yêu cầu của mình, do đó đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xét xử vắng mặt anh X và chị A theo Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Hôn nhân của anh, chị do mai mối được cha mẹ chấp thuận tổ chức lễ cưới năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang, quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh X uống rượu về hay kiếm chuyện liên quan tới việc tiền bạc, vợ chồng thường xuyên cãi nhau đến năm 2012 mâu thuẫn trầm trọng, anh X về cha mẹ ruột sinh sống, chị gởi đứa con lớn cho cha mẹ chị nuôi dưỡng, chị dẫn theo đứa nhỏ lên tỉnh Bình Dương làm công nhân lấy tiền nuôi 2 con, từ đó vợ chồng ly thân, anh X không liên lạc tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị A yêu cầu ly hôn với anh X là có căn cứ, phù hợp với lời trình bày của bà Trần Thị B (mẹ ruột của anh X), đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

- Về con chung: có 02 con chung tên Trần Vĩnh K, sinh ngày 05/4/2006 và Trần Thị Quế T, sinh ngày 09/02/2010, hiện 02 con chung do chị A nuôi dưỡng,

chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh X cấp dưỡng cho con. Xét thấy việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con sau khi ly hôn, vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên đối với con chưa thành niên, chị A yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh X cấp dưỡng cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu, nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có tranh chấp nên không giải quyết

Đồng thời buộc các đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về người tham gia tố tụng: nguyên đơn chị Nguyễn Thị A yêu cầu được vắng mặt khi xét xử, chị có ý kiến trình bày rõ ràng yêu cầu của mình; bị đơn anh Trần Văn X đã được tống đạt các văn bản tố tụng cũng như triệu tập lần thứ 2 để nghe xét xử, nhưng anh vẫn vắng mặt, việc vắng mặt của anh, chị không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, nên HĐXX xét xử vắng mặt anh, chị theo Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự để đảm bảo quyền lợi cho các bên.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: hiện nay anh X cư trú tại: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang, nên chị A khởi kiện xin ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về quan hệ tranh chấp: chị A xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con nên quan hệ tranh chấp là " Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, hôn nhân của anh, chị do mai mối được cha mẹ hai bên đồng ý, tổ chức lễ cưới năm 2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang, quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh anh X uống rượu về hay kiếm chuyện liên quan tới việc tiền bạc, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đến năm 2012 mâu thuẫn trầm trọng, anh X về cha mẹ ruột sinh sống, chị gởi đứa con lớn cho cha mẹ chị nuôi dưỡng, chị dẫn theo đứa nhỏ lên tỉnh Bình Dương làm công nhân lấy tiền nuôi 2 con, từ đó vợ chồng ly thân, anh X không liên lạc tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị A yêu cầu ly hôn với anh X là có căn cứ, phù hợp với lời trình bày của bà Trần Thị B (mẹ ruột của anh X), để anh chị có cuộc sống riêng sau này, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Về con chung: có 02 con chung tên Trần Vĩnh K, sinh ngày 05/4/2006 và Trần Thị Quế T, sinh ngày 09/02/2010, hiện 02 con chung do chị A

đang nuôi dưỡng, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh X cấp dưỡng cho con. Xét thấy việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, vợ chồng thỏa thuận về người trực

tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên đối với con chưa thành niên, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, hiện 02 con chung đang do chị A chăm sóc ổn định phù hợp với nguyện vọng của các cháu, nên HĐXX giao cháu K và cháu T cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng đến thành niên hoặc tự lập được, anh X không phải cấp dưỡng cho con.

Về quan hệ tài sản chung: Các bên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Ghi nhận chị A khai không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh X, chị A phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án khác.

[3] Về án phí: chị Nguyễn Thị A là người xin ly hôn, nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 56 và Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ Luật Tố tụng Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Điều 26, khoản 5 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị A đối với anh Trần Văn X.

- Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị A được ly hôn với anh Trần Văn X.

- Về con chung: Tiếp tục giao 02 con chung tên Trần Vĩnh K, sinh ngày 05/4/2006 và Trần Thị Quế T, sinh ngày 09/02/2010, cho chị Nguyễn Thị Anh nuôi d đến thành niên hoặc tự lập được, anh Trần Văn X không phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005872 ngày 13/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, anh Trần Văn X không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- UBND xã Phú Xuân;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Chiến